

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2024/DS- ST

Ngày: 30/9/2024

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Bạ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh- Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2024/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 428/2024/QĐST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 54 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1992; ông Trần Cao T, sinh năm 2001 (Đều vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Đào Đức T, sinh năm 1975 ; và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Ông T vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của bà Hiếu: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1997 (Vắng mặt- có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn I, xã Ia, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Cao T trình bày có nội dung:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H có đặt vấn đề vay của ông Nguyễn Phi H số tiền 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) để sử dụng vào công việc gia đình. Vì tin tưởng là chỗ quen biết với nhau nên ông H đã đồng ý cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 2.100.000.000 đồng vào ngày 14/7/2022, thời hạn vay là 10 ngày (Từ 14/7/2022 ngày 24/7/2022 đến ngày) với lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng. Để làm tin việc trả nợ thì khi vay tiền ông T, bà H có giao cho ông H cầm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 755901 đối với thửa 62, tờ bản đồ số: 15, diện tích: 135 m², tọa lạc tại: Xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 654095 đối với thửa đất: 61, tờ bản đồ số: 15, diện tích: 144,6 m², tọa lạc tại: Ấp L, Xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; đều do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 mang tên bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra ông H không giữ giấy tờ, tài sản gì của ông T, bà H. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ ông H đã nhiều lần thông báo qua điện thoại cũng như gặp trực tiếp vợ chồng ông T, bà H để đòi nợ nhưng ông T, bà H đều cô tình, chây lỳ không chịu trả nợ cho ông H theo đúng cam kết.

Xét thấy, việc ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/7/2022 là hành vi trái pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông H. Vì vậy, nay ông H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận là 1,65%/tháng cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Tuy nhiên, sau khi giữa nguyên đơn và bị đơn chốt lại công nợ với nhau, ông H xác nhận từ ngày 22/7/2022 đến ngày 26/3/2023 ông T, bà H đã chuyển khoản qua tài khoản 050011110468 tại ngân hàng Sacombank của ông H để trả số tiền 1.200.000.000đ tiền nợ gốc, ngoài ra từ ngày vay đến nay ông T, bà H chưa trả được khoản tiền nợ gốc và lãi nào nữa. Do đó nguyên đơn Ông Nguyễn Phi H xác định bà H, ông T chỉ còn nợ lại số tiền 900.000.000đ nợ gốc; nguyên đơn có đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bà Hiếu, ông Tính phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000đ và lãi suất từ ngày 27/3/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,65%/tháng của số tiền 900.000.000đ. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Trường hợp, ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H trả hết nợ thì ông H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 755901 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 654095 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 cho vợ chồng ông T, bà H theo quy định;

2. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H, bà Trịnh Thị L trình bày có nội dung:

Vào khoảng đầu năm 2022 vợ chồng ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H có vay của ông Nguyễn Phi H số tiền là 2.100.000.000 đồng bằng tiền mặt để sử dụng vào việc gia đình, thời hạn vay là 06 tháng, lúc này hai bên không lập văn bản hay hợp đồng vay tiền nào mà chỉ nói bằng miệng. Sau đó, ông T, bà H đã trả dần số tiền này qua nhiều đợt, tuy nhiên đến khoảng tháng 6/2022 do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông T, bà H không thể tất toán nợ cho Ông Nguyễn Phi H theo đúng thỏa thuận trước đó. Vì vậy, ông H mới lập Hợp đồng vay tài sản vào ngày 14/7/2022 để xác định lại khoản vay giữa hai bên với số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày (kể từ ngày 14/7/2022 đến ngày 24/7/2022), lãi suất là 1,65 %/ tháng và yêu cầu các bên kí tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Ông T, bà H thừa nhận chữ kí, chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền lập ngày 14/7/2022 mà ông Nguyễn Phi H cung cấp đúng là chữ ký và chữ viết của ông T, bà H và tại thời điểm viết giấy vay tiền thì vợ chồng ông T, bà H đều có mặt để ký vào hợp đồng vay tiền. Trong quá trình trả nợ, bà H đã nhiều lần thanh toán cho ông H bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản: 050011110468 của Ngân hàng TMCP S mang tên Nguyễn Phi H. Đến nay, ông T và bà H đã thanh toán đầy đủ nợ cho ông Nguyễn Phi H với tổng số tiền là 2.313.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.100.000.000 đồng, lãi suất phát sinh là 213.500.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 23/02/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 10.000.000 đồng;
Lần 2: Ngày 29/02/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 3.500.000 đồng; Lần 3: Ngày 13/4/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 20.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 29/04/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 30.000.000 đồng; Lần 5: Ngày 31/5/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 30.000.000 đồng; Lần 6: Ngày 14/06/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 1.200.000.000 đồng (chia làm 3 lần, mỗi lần 400.000.000 đồng); Lần 7: Ngày 22/07/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 1.000.000.000 đồng; Lần 8: Ngày 17/08/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 120.000.000 đồng; Lần 9: Ngày 17/10/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 20.000.000 đồng; Lần 10: Ngày 24/11/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 10.000.000 đồng; Lần 11: Ngày 19/12/2022, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 20.000.000 đồng; Lần 12: Ngày 17/12/2022, bà Nguyễn Thị H nhờ con gái là Đào Thị Thảo Vy chuyển trả 20.000.000 đồng; Lần 13: Ngày 09/03/2023, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 5.000.000 đồng; Lần 14: Ngày 26/03/2023, bà Nguyễn Thị H chuyển trả 5.000.000 đồng.

Khi thanh toán xong số tiền gốc và lãi, bà H, ông T mặc nhiên là đã trả đủ và cho rằng ông H sẽ hủy Hợp đồng vay tiền lập ngày 14/7/2022.

Nay ông Nguyễn Phi H khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ 2.100.000.000 đồng thì bà H không đồng ý, vì khoản vay này ông T và bà H đã trả xong từ năm 2023.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Ngày 14/7/2022, ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng vay ông Nguyễn Phi H với số tiền 2.100.000.000đ; thời hạn vay 10 ngày, từ 14/7/2022 đến ngày 24/7/2022; lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã chuyển khoản trả cho ông H tổng cộng là 1.200.000.000đ, cụ thể: Ngày 22/07/2022, trả 1.000.000.000đ; Ngày 17/08/2022, trả 120.000.000đ; Ngày 17/10/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 24/11/2022, trả 10.000.000đ; Ngày 19/12/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 17/12/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 09/03/2023, trả 5.000.000đ; ngày 26/03/2023, trả 5.000.000đ;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng việc vay tiền vào đầu năm 2022, các lần chuyển khoản ngày 23/02/2022, trả 10.000.000đ; ngày 29/02/2022, trả 3.500.000đ; ngày 13/4/2022, trả 20.000.000đ; ngày 29/04/2022, trả 30.000.000đ; ngày 31/5/2022, trả 50.000.000đ; ngày 14/06/2022, trả 1.200.000.000đ là chuyển tiền trả nợ cho khoản vay 2.100.000.000đ ngày 14/7/2022; tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh; như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn; do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng; xét yêu cầu này của nguyên đơn là đúng theo sự thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận;

Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Phi H, buộc bị đơn ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ông Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 27/3/2024 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật;

Sau khi ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 755901, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 135m², tại Xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 654095, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 144,60m², tại ấp L, Xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai Giấy; do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 mang tên bà Nguyễn Thị H;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H yêu cầu bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ và lãi suất phát sinh;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H, có nơi cư trú tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Xét thấy bị đơn ông Đào Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 14/7/2022, ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H vay của ông Nguyễn Phi H số tiền 2.100.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm triệu đồng*), thời hạn vay 10 ngày, từ 14/7/2022 đến ngày 24/7/2022; lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng;

Khi vay tiền, để làm tin cho việc trả nợ, ông T, bà H có giao cho Ông Nguyễn Phi H cầm bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 755901, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 135m², tại xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 654095, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 144,60m², tại ấp L, Xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai Giấy; đều do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 mang tên bà Nguyễn Thị H;

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, nguyên đơn ông Nguyễn Phi H cho rằng từ ngày 22/7/2022 đến ngày 26/3/2023 ông T, bà H đã trả được 1.200.000.000đ tiền nợ gốc, ngoài ra từ ngày vay đến nay ông T, bà H chưa trả được khoản tiền nợ gốc và lãi nào nữa. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Trịnh Thị L xác định đầu năm 2022, bà Nguyễn Thị H, ông Đào Đức T có vay của ông Nguyễn Phi H số tiền 2.100.000.000đ, ông T, bà H đã trả dần số tiền trên cho ông H, tuy nhiên đến tháng 6/2022 do không thể tiếp tục trả nợ nên ngày 14/7/2022 ông T, bà H có viết giấy xác nhận số tiền trên cho ông H. Đến nay, ông T và bà H đã thanh toán đầy đủ nợ cho ông Nguyễn Phi H với tổng số tiền là 2.313.500.000đ, trong đó tiền gốc là 2.100.000.000đ, tiền lãi là 213.500.000đ;

Xét thấy:

Nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 14/7/2022, ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng vay ông Nguyễn Phi H với số tiền 2.100.000.000đ; thời hạn vay 10 ngày, từ 14/7/2022 đến ngày 24/7/2022; lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng;

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, các bên đều xác định bà H đã chuyển khoản trả cho ông H tổng cộng là 1.200.000.000đ, cụ thể:

Ngày 22/07/2022, trả 1.000.000.000đ; Ngày 17/08/2022, trả 120.000.000đ; Ngày 17/10/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 24/11/2022, trả 10.000.000đ; Ngày 19/12/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 17/12/2022, trả 20.000.000đ; Ngày 09/03/2023, trả 5.000.000đ; ngày 26/03/2023, trả 5.000.000đ;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng việc vay tiền vào đầu năm 2022, các lần chuyển khoản ngày 23/02/2022, trả 10.000.000đ; ngày 29/02/2022, trả 3.500.000đ; ngày 13/4/2022, trả 20.000.000đ; ngày 29/04/2022, trả 30.000.000đ; ngày 31/5/2022, trả 50.000.000đ; ngày 14/06/2022, trả 1.200.000.000đ là chuyển tiền trả nợ cho khoản vay 2.100.000.000đ ngày 14/7/2022; tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh; như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn; do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 900.000.000đ và lãi suất phát sinh là có cơ sở chấp nhận;

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc là 900.000.000đ theo mức lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng; xét yêu cầu này của nguyên đơn là đúng theo sự thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận;

Do đó cần buộc bị đơn ông Đào Đức T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc là 900.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày 27/3/2023 đến ngày xét xử, ngày 30/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng, cụ thể: $900.000.000đ \times 549 \text{ ngày} \times 1,65\%/tháng/30 \text{ ngày} (20\%/năm) = 271.755.000đ$; tổng cộng gốc và lãi là 1.171.755.000đ;

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ và lãi suất phát sinh; do đó cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn;

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H được chấp nhận nên bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $1.171.755.000đ = 36.000.000đ + 3\% (1.171.755.000đ - 800.000.000đ) = 47.152.650đ$, làm tròn thành 47.153.000đ;

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Cao T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0005388 ngày 26 tháng 2 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H đối với bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H;

Buộc bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phi H 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*) nợ gốc và 271.755.000đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) nợ lãi, tổng cộng là 1.171.755.000đ (*Một tỷ một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Sau khi ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H trả xong khoản tiền nợ trên cho Ông Nguyễn Phi H, ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 755901, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 15, diện tích 135m², tại xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai; do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 654095, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 144,60m², tại ấp L, xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai Giấy; do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/01/2022 mang tên bà Nguyễn Thị H (Đều là bản chính);

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H về việc yêu cầu bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ và lãi suất phát sinh;

Về án phí:

Bị đơn ông Đào Đức T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 47.153.000đ (*Bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn Nguyễn Phi Hải được nhận lại 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Cao T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0005388 ngày 26 tháng 2 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
 - TAND tỉnh Đắk Lắk;
 - VKSND TP. BMT;
 - Thi hành án dân sự TP. B;
 - Các đương sự;
 - Lưu HS;
 - Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

